

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ BIỂN Ở VIỆT NAM NHẬN THỨC VÀ QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG

TS LÊ NHỊ HÒA*

1. Nhận thức về phát triển bền vững kinh tế biển ở Việt Nam trong Chiến lược xây dựng và bảo vệ đất nước

Việt Nam là quốc gia ven biển, giáp với Biển Đông¹ ở ba hướng: Đông, Đông Nam và Tây Nam. Bờ biển Việt Nam có chiều dài 3.260 km từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Hà Tiên (Kiên Giang) đi qua 28/63 tỉnh, thành phố của cả nước. Vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của Việt Nam rộng hơn 1 triệu km² (gấp ba lần diện tích trên đất liền), trong đó có quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa nằm ở trung tâm Biển Đông, án ngữ ngay trên tuyến đường hàng hải và hàng không nối liền giữa châu Âu và Trung Cận Đông với châu Á, Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương, là “cầu nối” của Việt Nam và các nước trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương với khu vực và thế giới.² Với hơn ba nghìn hòn đảo, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, vùng biển, đảo Việt Nam có vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng, gắn bó mật thiết và ảnh hưởng to lớn đến phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường của đất nước. Chiến lược biển Việt Nam xác định: “Khu vực Biển Đông, trong đó vùng biển Việt Nam có vị trí địa kinh tế và địa chính trị rất quan trọng. Với nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng, ngày nay biển càng có vai trò to lớn hơn đối với sự nghiệp phát triển đất nước”.³

Nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng đặc biệt của biển đối với quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước,

Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều nghị quyết, chủ trương, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế biển, phát huy tiềm năng, thế mạnh của một quốc gia có diện tích vùng biển lớn gấp ba lần diện tích đất liền. Nghị quyết 03-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 6/5/1993 về một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển thể hiện rõ nhận thức của Đảng về vị trí, vai trò của biển và kinh tế biển trong chiến lược xây dựng và bảo vệ đất nước. “Vùng biển và thềm lục địa thuộc chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của nước ta chứa đựng nhiều tài nguyên và tiềm năng phong phú để phát triển kinh tế tổng hợp... Xây dựng quốc gia Việt Nam mạnh về biển và phát triển kinh tế biển thành một bộ phận mũi nhọn của nền kinh tế quốc dân là một mục tiêu chiến lược, đồng thời là nhiệm vụ bức bách đang đặt ra cho dân tộc ta trước thách thức lớn trên Biển Đông”.⁴

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001- 2010 (thông qua tại Đại hội IX của Đảng) chủ trương: “Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế biển và hải đảo, phát huy thế mạnh đặc thù của hơn 1 triệu km² thềm lục địa. Tăng cường điều tra cơ bản làm cơ sở cho các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế biển. Đẩy mạnh nuôi, trồng, khai thác, chế biến hải sản; thăm dò, khai thác chế biến dầu khí; phát triển đóng tàu thuyền và vận tải biển, mở mang du lịch; bảo vệ môi trường, tiến mạnh ra biển và làm chủ vùng biển. Phát triển tổng hợp kinh tế biển và ven biển, khai thác lợi thế của các khu vực cửa biển, hải cảng để tạo thành vùng phát triển cao, thúc đẩy các vùng khác. Xây dựng căn cứ hậu cần ở một số đảo để tiến ra biển

* Học viện Chính trị khu vực III

khơi. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo vệ an ninh trên biển”.⁵

Đại hội lần thứ X của Đảng (2006) nhấn mạnh: “Xây dựng và thực thi chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm; sớm đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế”.⁶ Đại hội chủ trương: Hoàn chỉnh quy hoạch và phát triển có hiệu quả hệ thống cảng biển và vận tải biển, khai thác và chế biến dầu khí, hải sản, dịch vụ biển; đẩy nhanh các ngành công nghiệp đóng tàu biển và công nghiệp khai thác, chế biến hải sản. Phát triển mạnh, đi trước một bước một số vùng kinh tế biển và hải đảo. Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội X của Đảng, Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 xác định mục tiêu đưa Việt Nam “trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, bảo đảm vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển, đảo, góp phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cho đất nước giàu mạnh”.⁷ Sau 10 năm thực hiện Chiến lược biển Việt Nam (2007 – 2017), đóng góp của 28 tỉnh, thành ven biển vào tổng sản phẩm quốc nội (GDP) luôn đạt trên 60%, trong đó nổi bật là vai trò của 17 khu kinh tế ven biển. Tuy nhiên, phát triển kinh tế biển chưa thực sự gắn kết hài hòa với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường; phát triển nguồn nhân lực biển chưa trở thành nhân tố then chốt trong phát triển bền vững kinh tế biển; sự liên kết giữa các vùng biển và ven biển, tỉnh thành có biển và các tỉnh thành không có biển còn thiếu chặt chẽ...

Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế biển bền vững, hài hòa trong tình hình mới, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XII thông qua Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam xác định *mục tiêu tổng quát đến năm 2030*: Đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh; đạt cơ bản các tiêu chí về phát triển bền vững kinh tế biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ngăn chặn xu thế ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, tình trạng sạt lở bờ biển và biển xâm thực; hình thành văn hoá sinh thái biển; phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển quan trọng. Những thành tựu khoa học mới, tiên tiến, hiện đại trở thành nhân tố trực tiếp thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển; *tầm nhìn đến năm 2045*: Việt

Nam trở thành quốc gia biển mạnh, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh, an toàn; kinh tế biển đóng góp quan trọng vào nền kinh tế đất nước, góp phần xây dựng Việt Nam thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa; tham gia chủ động và có trách nhiệm vào giải quyết các vấn đề quốc tế và khu vực về biển và đại dương.⁸

Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 thể hiện tầm nhìn dài hạn và chủ trương chiến lược của Đảng trong việc khai thác hợp lý, hài hòa, hiệu quả các nguồn lực từ biển phục vụ quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo vệ các lợi ích quốc gia trên biển. Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển phản ánh “cách nhìn nhận tổng thể và dài hạn về biển; phát triển kinh tế biển phải được nhìn nhận trong không gian ba chiều: mặt biển, đáy biển, không gian trên biển. Cần phải vươn xa ra tới đại dương, nhưng đồng thời cũng cần phải đặc biệt chú trọng tới quản lý bờ biển vì xét đến cùng, mọi hoạt động vươn ra biển đều phải xuất phát từ bờ biển; và bờ biển Việt Nam cần được sử dụng để tạo thuận lợi nhất cho chính sách hướng biển”.⁹ Chiến lược thể hiện rõ tư duy và nhận thức mới của Đảng về phát triển bền vững kinh tế biển trong Chiến lược tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; phù hợp với xu thế chung của thế giới, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế, đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu lên từ biển, dựa vào biển và hướng ra biển.

2. Quan điểm của Đảng về phát triển bền vững kinh tế biển trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Trên cơ sở nhận thức rõ về vị trí, vai trò, tiềm năng, lợi thế của biển, đảo quốc gia, phát triển kinh tế biển bền vững, hiệu quả là chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước, đưa Việt Nam trở thành “quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển”. Phát triển kinh tế biển bền vững, hiệu quả ở Việt Nam dựa trên các nguyên tắc cơ bản: phục vụ xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; gắn với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền quốc gia và các lợi ích hợp pháp trên biển, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia và trật tự an toàn trên biển; phù hợp với yêu cầu quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; gắn với phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương ven biển và hải đảo. Từ Nghị quyết 03-NQ/TW của Bộ Chính trị về

một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển (1993) đến Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 (2007), Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (2018), quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển bền vững kinh tế biển được thể hiện xuyên suốt, đậm nét trên một số vấn đề:

Thứ nhất, trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng, thế mạnh từ biển, xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển.

Cùng với đất liền, vùng trời, vùng biển và hải đảo Việt Nam là bộ phận cấu thành chủ quyền và lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc, là không gian sinh tồn, cửa ngõ giao lưu quốc tế của đất nước. “Trở thành một nước mạnh về biển là mục tiêu chiến lược xuất phát từ yêu cầu và điều kiện khách quan của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam”.¹⁰ Vùng biển và ven biển là địa bàn chiến lược về kinh tế và an ninh, quốc phòng, có nhiều lợi thế phát triển và là cửa mở của cả nước để đẩy mạnh giao lưu quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài. Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển; phát triển bền vững kinh tế biển gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hoà bình, ổn định cho phát triển. Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là quyền và nghĩa vụ của mọi tổ chức, doanh nghiệp và mọi người dân Việt Nam trong và ngoài nước. Huy động, thu hút các nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển kinh tế biển.

Thứ hai, phát triển kinh tế biển bền vững gắn kết hài hòa với phát triển xã hội, bảo vệ tài nguyên biển và môi trường sinh thái biển.

Phát triển kinh tế biển gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái, tài nguyên biển, đảo là vấn đề có tầm chiến lược lâu dài trong quá trình phát triển bền vững của đất nước. Khai thác các nguồn lợi biển phải gắn ngay từ đầu với bảo vệ môi trường sinh thái, sử dụng tài nguyên có hiệu quả, khôi phục và làm giàu tài nguyên có thể tái tạo. Đề hướng tới phát triển kinh tế biển bền vững, hiệu quả cần tập trung đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản về tài nguyên biển và bảo vệ môi trường biển, thực hiện chính sách khai thác, đánh bắt thủy sản có trách nhiệm, bảo vệ nguồn lợi thủy

sản một cách bền vững. Xây dựng và thực hiện các quy định pháp luật để đảm bảo tối ưu hóa các lợi ích có được trong khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và các hệ sinh thái biển, hài hoà lợi ích các hoạt động ngành, đảm bảo tài nguyên biển được khai thác hợp lý, tiết kiệm. Nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống, cảnh báo và thông tin cảnh báo thiên tai; ngăn chặn ô nhiễm và suy thoái môi trường biển, bảo vệ và phát triển các hệ sinh thái biển và ven biển. “Xây dựng chiến lược phát triển tổng hợp kinh tế biển; phát triển bền vững kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và các hệ sinh thái biển. Gắn kinh tế biển với bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo vệ tài nguyên môi trường biển, hải đảo”.¹¹ Bảo đảm hài hòa giữa các hệ sinh thái kinh tế và tự nhiên, giữa bảo tồn và phát triển, giữa lợi ích của địa phương có biển và địa phương không có biển; tăng cường liên kết, cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát huy tiềm năng, lợi thế của biển, tạo động lực phát triển kinh tế đất nước. Là quốc gia có truyền thống văn hóa biển, chú trọng giữ gìn giá trị, phát huy truyền thống lịch sử, bản sắc văn hoá biển; bảo đảm quyền tham gia, hưởng lợi và trách nhiệm của người dân đối với phát triển bền vững kinh tế biển trên cơ sở công bằng, bình đẳng, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

Thứ ba, tăng cường quản lý tổng hợp, thống nhất tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển tự nhiên; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Đẩy mạnh đầu tư vào bảo tồn và phát triển giá trị đa dạng sinh học, phục hồi các hệ sinh thái biển; bảo vệ tính toàn vẹn của hệ sinh thái từ đất liền ra biển. Gắn bảo vệ môi trường biển với phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm, sự cố môi trường, tăng cường hợp tác khu vực và toàn cầu.

Trước những cơ hội và thách thức về phát triển bền vững, công tác điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển cần đi trước một bước để xác lập căn cứ khoa học, thực tiễn cho việc hoạch định đường lối, chính sách phát triển bền vững kinh tế biển, bảo đảm an ninh, quốc phòng, chủ quyền biển, đảo. Hoạt động điều tra cơ bản nhằm cung cấp các thông tin, dữ liệu

về tài nguyên, môi trường biển, hải đảo, giúp hiểu rõ hơn về biển, về tiềm năng, lợi thế, các tác động bất lợi từ biển; thúc đẩy khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên biển theo hướng bền vững.

Thứ tư, lấy khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại và nguồn nhân lực chất lượng cao làm nhân tố đột phá trong phát triển bền vững kinh tế biển.

Phát triển khoa học, công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực biển chất lượng cao; thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, tận dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến, khoa học công nghệ mới; thu hút chuyên gia, nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ các vùng biển, đảo và quần đảo một cách bền vững phục vụ mục tiêu xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư lao động, vật tư, tiền vốn và áp dụng thành tựu học kỹ thuật, công nghệ vào việc sử dụng, khai thác, phát triển kinh tế biển, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển; phát triển bền vững các vùng biển phù hợp với điều kiện của từng vùng và bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh; tăng cường thông tin, phổ biến về tiềm năng, chính sách, pháp luật về biển. Ưu tiên đầu tư ngân sách nhà nước cho công tác nghiên cứu, điều tra cơ bản, đào tạo nguồn nhân lực về biển; kết hợp huy động các nguồn lực trong và ngoài nước. Chủ động, nâng cao hiệu quả hội nhập, hợp tác quốc tế, ưu tiên thu hút các nhà đầu tư chiến lược hàng đầu thế giới có công nghệ nguồn, trình độ quản lý tiên tiến trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Thứ năm, phát triển kinh tế biển bền vững gắn liền với yêu cầu bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc trên biển.

Xuất phát từ vị trí địa kinh tế và địa chính trị của vùng biển Việt Nam cùng với những diễn biến phức tạp trên Biển Đông, việc phát triển kinh tế biển gắn liền bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia trên biển luôn là những nhiệm vụ mang tính chiến lược, lâu dài. Nghị quyết Bộ Chính trị nhấn mạnh: “Xem việc phát triển kinh tế biển, mở rộng nhanh phạm vi hoạt động kinh tế trên vùng biển và hải đảo thuộc chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của nước ta là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để vừa khai thác nguồn lợi biển, vừa khẳng định chủ quyền và nâng cao khả năng bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và lãnh hải”¹². Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển tương xứng với vị thế và tiềm năng biển,

đảo của đất nước; gắn phát triển bền vững kinh tế biển với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên biển và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo là quan điểm và chủ trương nhất quán của Đảng, hướng tới mục tiêu Việt Nam trở thành quốc gia mạnh từ biển, làm giàu từ biển.

Là quốc gia ven Biển Đông, thành viên Công ước của Liên Hiệp Quốc về Luật biển năm 1982, Việt Nam chủ trương phát triển bền vững kinh tế biển gắn với bảo vệ lợi ích chiến lược của quốc gia trên biển; bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển bằng các biện pháp hòa bình, phù hợp pháp luật quốc tế và Công ước của Liên Hiệp Quốc về Luật biển năm 1982; bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, duy trì môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển.

¹. Biển Đông có diện tích khoảng 3.488.000 km², được bao bọc bởi 9 quốc gia: Việt Nam, Trung Quốc, Philippines, Indonesia, Brunei, Malaysia, Singapore, Thái Lan, Campuchia và vùng lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc).

². Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam: *Biển Đông*, tập 1, Nxb Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2009, tr. 7.

³. *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 70.

⁴. *Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 6/5/1993 của Bộ Chính trị Về một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển trong những năm trước mắt*, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 52 (1992 – 6/1993), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 573 và tr. 583.

⁵. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 181-182.

⁶. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 93; tr. 226.

⁷. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 76.

⁸. Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tr.3; tr.5

⁹. Bùi Nhật Quang: “Một số vấn đề về biển và phát triển bền vững kinh tế biển”, Tạp chí Khoa học xã hội (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam), số 12/2018, tr. 10.

¹⁰. *Nghị quyết của Bộ Chính trị số 03-NQ/TW ngày 6/5/1993 Về một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển trong những năm trước mắt*, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 52 (1992 – 6/1993), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 576.

¹¹. *Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 15/1/2019 về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế*, Báo Nhân dân số 23108, ngày 17/1/2019, tr. 3.

¹². *Văn kiện Đảng Toàn tập*: tập 52 (1992 – 6/1993), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 577.